

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VÀ NÂNG
NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kế toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NGỒI THỦY NG **BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ**

Công ty Cổ phần Giao Nhận và Nâng Tải Ngồi Thủy Ng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hiện nay đang trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty và Công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận và Nâng Tải Ngồi Thủy Ng được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần do số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 9 năm 2008.

Trụ sở chính tại Số 2 Bích Câu, Phường Ng Quế C, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có một Chi nhánh tại Phòng tại Số 115 Đường bao Trại Hạng Đa, Quận Hai An, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có đầu tư vào một công ty con, Công ty TNHH Giao Nhận và Nâng Tải Hà Thành.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ vận tải giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trọng, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Dịch vụ giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu từ các nước và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bảo hiểm, mua bảo hiểm, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Dịch vụ tàu biển.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Khúc Văn D	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Khúc Văn D	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Giang	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
Ông Trần Công Thành	Phó Chủ tịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ THƯ I NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ**

3. Thành viên của Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Chức danh

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Trưởng ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Ủy viên

Bà Nguyễn Tuyet Linh

Ủy viên

4. Tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty về bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu được đề cập nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ khoản nợ nào bị bỏ qua hoặc tài sản nào hay khoản nợ bị bỏ qua nào phát sinh đối với tài sản của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và số sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng căn cứ kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo trên cơ sở trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÚC VĂN D

Số: 11.164C/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi:

Các Chủ đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) trình 04 đơn trang 25 kèm theo. Tập đoàn Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo nghiệp vụ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Nghiệp vụ chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hiểu rõ bối cảnh và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thực nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số báo cáo kế toán làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản nợ tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chuẩn kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2011

KT. TẬP ĐOÀN GIÁM ĐỐC

PHÓ TẬP ĐOÀN GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUÝ C THƯƠNG

Chung cư KTV số Đ.0075/KTV

ĐOÀN THƯƠNG LOAN

Chung cư KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGO I TH Ờ NG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoài i trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGỒN HỒN	100		176.652.588.068	139.819.794.139
I. Tiền và các khoản t ử ng đ ể ng t ử n	110	(5.1)	66.635.352.094	48.472.838.474
1. Tiền	111		15.755.353.094	21.730.538.474
2. Các khoản t ử ng đ ể ng t ử n	112		50.879.999.000	26.742.300.000
II. Các khoản đ ể u t ử tài chính ng ữ n h ữ n	120	(5.2)	21.300.000.000	
1. Đ ể u t ử ng ữ n h ữ n	121		21.300.000.000	
2. D ể phòng gi ữ m giá ch ữ ng khoán đ ể u t ử ng ữ n h ữ n	129			
III. Các khoản ph ế i thu	130	(5.3)	75.378.403.393	78.501.374.720
1. Ph ế i thu khách hàng	131		52.313.596.709	69.147.754.359
2. Tr ử tr ữ c cho ng ữ i bán	132		21.786.517.184	9.412.985.717
3. Ph ế i thu n ữ i b ữ ng ữ n h ữ n	133			
4. Ph ế i thu theo t ử n đ ể k ể ho ữ ch H ỖXD	134			
5. Các khoản ph ế i thu khác	135		1.278.289.500	82.966.894
6. D ể phòng ph ế i thu ng ữ n h ữ n khó đòi	139			(142.332.250)
IV. Hàng t ử n kho	140			
1. Hàng t ử n kho	141			
2. D ể phòng gi ữ m giá hàng t ử n kho	149			
V. Tài s ữ n ng ữ n h ữ n khác	150		13.338.832.581	12.845.580.945
1. Chi phí tr ử tr ữ c ng ữ n h ữ n	151		90.000.000	90.000.000
2. Thu ữ GTGT đ ể c kh ữ u tr ử	152		193.848.071	53.092.562
3. Thu ữ và các khoản khác ph ế i thu Nhà n ữ c	154			
4. Tài s ữ n ng ữ n h ữ n khác	158	(5.4)	13.054.984.510	12.702.488.383

(Ph ế n t ử p theo ữ trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÀI NGOÀI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại tệ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.776.779.864	37.585.567.080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		24.875.263.296	26.749.386.842
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	20.843.527.772	24.780.514.499
+ Nguyên giá	222		31.720.918.769	33.510.189.271
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.877.390.997)	(8.729.674.772)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.453.632.214	1.405.307.215
+ Nguyên giá	228		2.197.750.157	1.980.228.557
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(744.117.943)	(574.921.342)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	2.578.103.310	563.565.128
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	10.415.000.000	10.415.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		890.000.000	890.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.525.000.000	9.525.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		486.516.568	421.180.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	486.516.568	421.180.238
2. Tài sản thu mua nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		212.429.367.932	177.405.361.219

(Phân tích theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÍNH NGỒI THƯỜNG NG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoài trừ có ghi chú khác

NGUỒN VÀ N	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		125.315.847.982	98.423.183.328
I. Nợ ngắn hạn	310		125.315.847.982	98.423.183.328
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	108.418.347.100	80.858.642.463
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	1.549.166.424	215.008.737
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	3.888.352.900	2.570.811.051
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	8.952.103.217	5.927.464.549
6. Chi phí phải trả	316		276.018.133	272.463.879
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	1.876.239.767	7.125.590.775
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		355.620.441	1.453.201.874
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trích lập môi trường	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chờ a thuế hoãn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.113.519.950	78.982.177.891
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	87.113.519.950	78.982.177.891
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.720.000.000	54.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(250.890.215)	(328.181.618)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.586.255.970	3.987.631.180
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.000.000.000	1.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420		22.528.854.195	18.073.428.329
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỘNG THƯỜNG S	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VÀ N	440		212.429.367.932	177.405.361.219

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGOẠI THƯƠNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại tệ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		327.945,97	630.270,16
+ JPY		33.000,00	33.000,00
+ EUR		376,35	3.354,94
+ SGD		500,00	500,00
6. Dư toán chi số nghiệp vụ, dự án			

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐẠI THỂ THU HỒN****KHÚC VĂN D**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÀI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại tệ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		457.191.780.422	299.017.264.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	457.191.780.422	299.017.264.123
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	427.211.189.898	272.209.149.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.980.590.524	26.808.114.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	11.173.147.816	9.841.760.772
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.010.251.321	4.625.378.335
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		15.061.830	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	11.992.625.421	9.674.419.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.150.861.598	22.350.077.496
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	2.679.482.984	842.684.860
12. Chi phí khác	32	(6.7)	3.248.413.464	701.155.005
13. Lợi nhuận khác	40		(568.930.480)	141.529.855
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.581.931.118	22.491.607.351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	4.946.258.606	1.869.249.442
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.635.672.512	20.622.357.909
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		19.635.672.512	20.622.357.909
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	3.588	3.770

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI THẠM THỦ HIỆN

KHÚC VĂN D

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGO I TH I NG

BÁO CÁO L U CHUY N TI N T H P NH T (theo ph ng pháp gián t p)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đ n v t tính là Đ ng V t Nam ngo i tr có ghi chú khác

CH TIÊU	Mã s	Th. minh	Năm nay	Năm tr c
I. L U CHUY N TI N T HO T Đ NG KINH DOANH				
1. L i nhu n t c thu	01		24.581.931.118	22.491.607.351
2. Đ i u ch nh cho các kho n				
Kh u hao tài s n c đ nh	02		3.579.508.570	3.536.725.475
Các kho n d phòng	03		(142.332.250)	48.972.061
Lãi, l chên l ch t giá h i đoái ch a th c hi n	04		-	
Lãi, l t ho t đ ng đ u t	05		(4.840.581.327)	(3.945.417.450)
Chi phí lãi vay	06		15.061.830	
3. L i nhu n t ho t đ ng kinh doanh tr c nh ng thay đ i v n u đ ng	08		23.193.587.941	22.131.887.437
Tăng, g m các kho n ph i thu	09		10.378.742.474	(35.676.965.182)
Tăng, g m hàng t n kho	10		-	
Tăng, g m các kho n ph i tr	11		24.522.059.982	22.460.988.790
(không k lãi vay ph i tr , thu TNDN ph i n p)				
Tăng g m chi phí tr t c	12		(65.336.330)	40.776.055
Ti n lãi vay đã tr	13		(15.061.830)	
Ti n thu thu nh p doanh nghi p đ n p	14		(4.271.047.388)	(789.902.307)
Ti n thu khác t ho t đ ng kinh doanh	15		360.000.000	1.868.460.000
Ti n chi khác t ho t đ ng kinh doanh	16		(6.056.530.156)	(11.919.295.794)
L u chuy n ti n thu n t ho t đ ng s n xu t, kinh doanh	20		48.046.414.693	(1.884.051.001)
II. L U CHUY N TI N T HO T Đ NG Đ U T				
1. Ti n chi đ mua s m, xây d ng TSCĐ và các tài s n dài h n khác	21		(3.802.227.784)	(13.028.170.394)
2. Ti n thu t thanh lý, nh ng bán TSCĐ và các tài s n dài h n khác	22		1.967.272.727	792.231.238
3. Ti n chi cho vay, mua các công c n c a các đ n v khác	23		(21.300.000.000)	
4. Ti n thu h i cho vay, bán l i các công c n c a đ n v khác	24		-	
5. Ti n chi đ u t góp v n vào đ n v khác	25		-	(146.000.000)
6. Ti n thu h i đ u t góp v n vào đ n v khác	26		-	
7. Ti n thu lãi cho vay, c t c và l i nhu n đ c chia	27		4.326.151.360	3.854.341.217
L u chuy n ti n thu n t ho t đ ng đ u t	30		(18.808.803.697)	(8.527.597.939)

(Ph n t p theo trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGO I TH I NG

BÁO CÁO L U CHUY N TI N T H P NH T (theo ph ng pháp gián t p)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đ n v tính là Đ ng V t Nam ngo i tr có ghi chú khác

CH TIÊU	Mã s	Th. minh	Năm nay	Năm tr c
III. L U CHUY N TI N T HO T Đ NG TÀI CHÍNH				
1. Ti n thu t phát hành c phi u, nh n v n góp c a ch s h u	31		-	58.500.000
2. Ti n chi tr v n góp cho các ch s h u, mua i c phi u c a doanh nghi p đã phát hành	32		-	
3. Ti n vay ng n h n, dài h n nh n đ c	33		5.596.132.684	
4. Ti n chi tr n g c vay	34		(5.596.132.684)	
5. Ti n chi tr n thuê tài chính	35		-	
6. C t c, i nhu n đã tr cho ch s h u	36		(10.301.480.132)	(8.056.040.000)
L u chuy n ti n thu n t ho t đ ng tài chính	40		(10.301.480.132)	(7.997.540.000)
L u chuy n ti n thu n trong kỳ (50=20+30+40)	50		18.936.130.864	(18.409.188.940)
Ti n và t ng đ ng t n đ u kỳ	60		48.472.838.474	66.958.690.965
nh h ng c a thay đ i t giá h i đoái quy đ i ngo i t	61		(773.617.244)	(76.663.551)
Ti n và t ng đ ng t n cu i kỳ (70=50+60+61)	70		66.635.352.094	48.472.838.474

Hà N i, ngày 08 tháng 3 năm 2011

K TOÁN TR NG

T NG GIÁM Đ C

Đ TH THU HI N

KHÚC VĂN Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NGUYỄN THỊ NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng ghi chú khác

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và đi kèm cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sản xuất

Công ty Cổ phần Giao Nhận và Nâng Tải Nguyễn Thị Nguyệt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với nội dung thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 9 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Bích Câu, Phường Ngọc Quế, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có một Chi nhánh Hội Phòng tại Số 115 Đường bao Trại Hoàng Đạo, Quận Hai An, Thành phố Hội Phòng.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ vận chuyển giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trọng, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Dịch vụ giao nhận cho các hãng giao nhận và vận chuyển nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chuyến hàng và chuyến tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và gián tiếp và sản xuất xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bảo hiểm, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Dịch vụ tàu biển.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận và Nâng Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

1. Quy định biên độ quyền của Công ty: 100%
2. Tỷ lệ sở hữu ích của Công ty: 100%
3. Địa chỉ Số 2 Bích Câu, Phường Ngọc Quế, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ ngoại tệ ghi chú khác

1.4. Công ty liên doanh, liên kết không đồng kiểm soát hợp quy định liên quan vào báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty liên doanh, liên kết không đồng kiểm soát hợp quy định liên quan vào báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans) với các thông tin như sau:

1. Quy định biên độ quy định của Công ty: 44,5%
2. Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 44,5%
3. Địa chỉ Số 115 Đường bao Trại Hàng Đồi, Quận Hai An, Thành phố Hải Phòng.

Nguyên nhân không hợp nhất quy định liên quan là do Shintrans đang trong giai đoạn tiến hành các thủ tục giải thể.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Điều lệ vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận tải Ngoại nhập và báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện để loại bỏ bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số đo và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tài sản ngắn hạn

Tiền bao gồm tiền mặt và quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tài sản ngắn hạn là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một loại tài sản xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ THỦ THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng ghi chú khác

4.3. Các giao dịch bán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bán ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mua tín và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tín mua, tín gửi, tín đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà được số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bán ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bán ngoại tệ:

- + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bất lợi thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ như nghiệp vụ hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bán ngoại tệ chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau như nghiệp vụ đã không quá 5 năm.

- + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thuế ng mua và phải thu khác

Các khoản phải thu thuế ng mua và phải thu khác theo giá trị có thể thu được theo dõi kiến.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ nội địa.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ nội địa.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng được tính của tài sản.

Thời gian khấu hao được tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Chi phí đầu có quy định số dư ng đầu	13 năm
+ Phần mềm quản lý	02 - 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Quên

Quên năm 2010 đã được duy trì theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

4.8. Ghi nhận chi phí phí và phòng phí

- Chi phí phí được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các tính toán dựa vào thông kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng góp mỗi bên được tính bằng 1% của mức tiền lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận các

Các được ghi nhận là một khoản phí vào ngày công bố các.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ là như sau:

Là nhu cầu phân phối năm 2009 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 27/03/2010.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính là 20% trong 10 năm kể từ năm 2003, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động khác là 25%.
- Thuế suất thuế TNDN của Công ty con là 25%.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể khác nhau, do đó trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quy định của cùng cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này (xem thêm mục 9).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGO I TH I NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ đồng hàng p đ c ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tài sản ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.950.113.646	2.918.145.145
Tiền gửi ngân hàng	13.805.239.448	18.812.393.329
Các khoản tài sản ngắn hạn	50.879.999.000	26.742.300.000
Tổng cộng	66.635.352.094	48.472.838.474

Các khoản tài sản ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng.

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 9 tháng tại Ngân hàng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	52.313.596.709	69.147.754.359
Trợ thu cho người bán	21.786.517.184	9.412.985.717
Các khoản phải thu khác	1.278.289.500	82.966.894
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	75.378.403.393	78.643.706.970
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(142.332.250)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	75.378.403.393	78.501.374.720

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu phát sinh trong quá trình kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.373.277.010	2.377.160.383
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.681.707.500	10.325.328.000
Tổng cộng	13.054.984.510	12.702.488.383

Ký quỹ ngắn hạn là các khoản ký quỹ tại các hãng hàng không và Ngân hàng để thực hiện hàng không để lý hàng hóa với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

(Phụ lục theo trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬP VÀ NÂNG TẦM THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ ngoại tệ ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phụ tùng tư liệu, truyền điện	Thi công cải tạo	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.749.746	768.793	27.011.536	980.114	33.510.189
Mua trong năm	-	1.099.166	548.030	148.660	1.795.856
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.585.125)	-	(3.585.125)
Số cuối năm	4.749.746	1.867.959	23.974.441	1.128.774	31.720.920
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	1.799.237	430.807	5.835.529	664.102	8.729.675
Khấu hao trong năm	285.814	188.398	2.754.327	181.773	3.410.312
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.262.596)	-	(1.262.596)
Số cuối năm	2.085.051	619.205	7.327.260	845.875	10.877.391
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.950.509	337.986	21.176.007	316.012	24.780.514
Số cuối năm	2.664.695	1.248.754	16.647.181	282.899	20.843.529

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.337.192.520 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.823.682.327	156.546.230	1.980.228.557
Mua trong năm	-	217.521.600	217.521.600
Số cuối năm	1.823.682.327	374.067.830	2.197.750.157
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	467.799.018	107.122.324	574.921.342
Khấu hao trong năm	108.535.896	60.660.705	169.196.601
Số cuối năm	576.334.914	167.783.029	744.117.943
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.355.883.309	49.423.906	1.405.307.215
Số cuối năm	1.247.347.413	206.284.801	1.453.632.214

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.423.630 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khảo sát, nghiên cứu dự án xây dựng kho bãi	2.508.764.310	494.226.128
Chi phí thi công xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Tổng cộng	2.578.103.310	563.565.128

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NGUYỄN THƯỜNG NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp ghi chú khác

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	890.000.000	890.000.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	10.415.000.000	10.415.000.000
Dù phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	10.415.000.000	10.415.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư 44,5% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải và Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans).

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương mại (Vinalink)	6.900.000.000	5,62%
Công ty Cổ phần Vận Tải và Ngoại Thương (Vinafreight)	2.625.000.000	3,13%
	9.525.000.000	

Ngày 16 tháng 8 năm 2010, Vinalink trích 6 tỷ 900 triệu đồng để mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu ghi nhận tăng thêm cho Công ty là: 45.540 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu của Vinalink mà Công ty nắm giữ là 505.540 cổ phiếu.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chia phân bổ. Tỷ lệ phân bổ 50% giá trị khi đưa công cụ, dụng cụ vào sử dụng và 50% giá trị còn lại vào năm thứ 3 tính từ lúc phát sinh.

5.10. Phải trả ngắn hạn và ngắn hạn mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn	108.418.347.100	80.858.642.463
Ngắn hạn mua trả tiền trước	1.549.166.424	215.008.737
Tổng cộng	109.967.513.524	81.073.651.200

Phải trả ngắn hạn là các khoản phải trả phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	40.573.486	136.489.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.513.527.595	1.838.316.377
Thuế thu nhập cá nhân	497.255.327	230.090.647
Các loại thuế khác	836.996.492	365.914.576
Tổng cộng	3.888.352.900	2.570.811.051

5.12. Phải trả ngắn hạn lao động

Là quỹ lương năm 2010 còn phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NGUYỄN THỊ NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ hàng phải ghi chú khác

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	38.242.876
Bổ o hiểm xã hội, bổ o hiểm y tế	691.765	36.383.130
Cổ tức phải trả	1.452.832.500	6.050.400.000
Nhận tiền cọc cho thuê container nội nh	310.000.000	800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.715.502	200.564.769
Tổng cộng	1.876.239.767	7.125.590.775

(Phụ lục tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ đồng ghi chú khác

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Billed capital and Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: ngàn đồng								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn công phần	Cổ phiếu ưu quyền	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn đầu tư	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	(58.500)	-	3.987.631	-	-	15.755.729	75.434.160
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	20.622.358	20.622.358
Trích quỹ	-	-	-	-	-	500.000	1.000.000	(7.829.045)	(6.329.045)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi CP quỹ	-	-	58.500	-	-	-	-	-	58.500
Chia cổ tức đợt 3/2008	-	-	-	-	-	-	-	(2.188.040)	(2.188.040)
Tổn thất công tức 2009	-	-	-	-	-	-	-	(8.208.000)	(8.208.000)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(79.444)	(79.444)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(328.182)	-	-	-	-	(328.182)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(129)	(129)
Số đầu đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	-	(328.182)	3.987.631	500.000	1.000.000	18.073.429	78.982.178
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	19.635.673	19.635.673
Trích quỹ	-	-	-	-	2.598.625	-	1.000.000	(6.531.029)	(2.932.404)
Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	-	-	-	(2.736.000)	(2.736.000)
Chia cổ tức đợt 1/ 2010	-	-	-	-	-	-	-	(5.575.053)	(5.575.053)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(338.003)	(338.003)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	77.292	-	-	-	-	77.292
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(163)	(163)
Số đầu cuối năm nay	54.720.000	1.029.300	-	(250.890)	6.586.256	500.000	2.000.000	22.528.854	87.113.520

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ THỦ I NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ ngoại tệ nếu có ghi chú khác

5.14.2. Chi tiêu và nguồn tài chính sử dụng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.14.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
▪ Cổ tức đã chia trên cơ sở phân phối thông	8.311.052.632	10.396.040.000
▪ Cổ tức đợt 1 năm 2010 được chia theo Quyết định số 22-2010/HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2010.		
▪ Cổ tức năm 2010 sẽ được công bố sau khi kết thúc công bố Đãi hỏi Cổ đông năm 2011.		

5.14.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phiếu phân phối thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phiếu phân phối thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phiếu phân phối thông đang lưu hành	5.472.000	5.472.000
▪ Mức giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.		

5.14.5. Lợi nhuận trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	19.635.672.512	20.622.357.909
Số cổ phiếu phân phối thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	5.472.000	5.470.700
Lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS)	3.588	3.770

5.14.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chia phân phối đầu năm	18.073.428.329	15.755.728.282
Lợi nhuận sau thuế trong năm	19.635.672.512	20.622.357.909
Trích lập Quỹ dự trữ vốn đầu tư	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(2.598.624.790)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(500.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.932.403.686)	(6.329.044.697)
Chia cổ tức	(8.311.052.632)	(10.396.040.000)
Chi khác	(338.165.538)	(79.573.165)
Lợi nhuận chia phân phối cuối năm	22.528.854.195	18.073.428.329

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI NGỒI THƯỜNG NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ bằng hàng triệu đồng ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất		
6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	457.191.780.422	299.017.264.123
6.2. Giá trị cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	26.631.720.786	18.883.203.966
Chi phí công cụ dụng cụ	411.522.989	421.186.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.758.843.296	2.688.866.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.952.480.994	243.867.723.772
Chi phí bằng tiền khác	8.456.621.833	6.348.168.624
Tổng cộng	427.211.189.898	272.209.149.710
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi nhận được chia từ Vinalink và Vinafreight	889.000.000	1.073.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.081.151.360	2.781.341.217
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.202.996.456	5.987.419.555
Tổng cộng	11.173.147.816	9.841.760.772
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí u là khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm.		
6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	6.188.195.019	4.908.882.194
Chi phí thuê dùng văn phòng	142.551.317	109.979.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	820.665.274	847.858.494
Thuế, phí và lệ phí	186.019.344	105.994.130
Chi phí điện thoại	30.411.508	77.926.061
Chi phí khác bằng tiền	4.624.782.959	3.623.778.815
Tổng cộng	11.992.625.421	9.674.419.354
6.6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	1.967.272.727	792.231.238
Thu nhập khác	712.210.257	50.453.622
Tổng cộng	2.679.482.984	842.684.860

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGO I TH I NG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trừ đồng hàng p đ c ghi chú khác

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm tr c
Thanh lý và nh ng bán tài sản c định	2.096.842.760	701.155.005
Chi phí khác	1.151.570.704	-
Tổng cộng	3.248.413.464	701.155.005

6.8. Chi phí thu thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thu suất thu TNDN 20%	Thu suất thu TNDN 25%	Cộng
Lợi nhuận kế toán trừ c thu trong năm	20.428.483.474	4.153.447.644	24.581.931.118
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
C trừ	(889.000.000)	-	(889.000.000)
Thu nhập tính thu thuế hoạt động kinh doanh chính	19.539.483.474	4.153.447.644	23.692.931.118
Thu suất thu TNDN	20%	25%	-
Chi phí thu TNDN phải nộp trong năm	3.907.896.695	1.038.361.911	4.946.258.606
Lợi nhuận sau thu TNDN trong năm	16.520.586.779	3.115.085.733	19.635.672.512

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, đ c ghi là các bên liên quan đã đ c lo i tr trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm tr c
Thù lao Hội đồng quản trị	104.000.000	118.444.448
Lương Tổng Giám đốc	431.450.880	443.198.613
Tổng cộng	535.450.880	561.643.061

(Ph n tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng tròn ghi chú khác

8. Báo cáo bộ phận

Nhằm phân tích và mô tả các mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- + Hà Nội
- + Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				
Tổng khách hàng bên ngoài	328.732.762.780	128.459.017.642	-	457.191.780.422
Ghi nhận các bộ phận	28.422.825.962	3.449.475.336	(31.872.301.298)	-
Tổng cộng	357.155.588.742	131.908.492.978	(31.872.301.298)	457.191.780.422
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả của bộ phận	6.460.851.718	11.527.113.385	-	17.987.965.103
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	6.460.851.718	11.527.113.385	-	17.987.965.103
Thu nhập tài chính	8.185.697.657	2.987.450.159	-	11.173.147.816
Chi phí tài chính	2.298.672.366	1.711.578.955	-	4.010.251.321
Lợi nhuận khác	144.751.923	(713.682.403)	-	(568.930.480)
Thu nhập doanh nghiệp	2.528.398.169	2.417.860.437	-	4.946.258.606
Lợi nhuận sau thuế	9.964.230.763	9.671.441.749	-	19.635.672.512
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần túy hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần túy	9.964.230.763	9.671.441.749	-	19.635.672.512

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ T I NGO I TH I NG
THUY T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH H P NH T
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng ch ghi chú khác

	Hà Nội	H Phòng	Lo i tr	T ng c ng
Các thông tin khác				
Tài sản c a b ph n	149.090.124.546	90.622.848.790	(27.283.605.404)	212.429.367.932
Công ty liên k t	-	-	-	-
Tài sản không phân b	-	-	-	-
T ng tài sản h p nh t				212.429.367.932
N ph i tr c a b ph n	62.398.541.179	90.200.912.207	(27.283.605.404)	125.315.847.982
N ph i tr không phân b	-	-	-	-
T ng n ph i tr h p nh t				125.315.847.982
Chi phí mua sm tài sản	(308.259.943)	(3.493.967.841)	-	(3.802.227.784)
Chi phí kh u hao	673.396.242	2.906.112.328	-	3.579.508.570

(Ph n t i p theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ NỘ I NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ triệu đồng ghi chú khác

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn số a để, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: để n vti n t trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn số a để, bổ sung phương pháp kế toán cho mô hình sản xuất kinh doanh. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Hội đồng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 08 tháng 3 năm 2011.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN D